**BÀI 5: NHỮNG CÂU CHUYỆN HÀI**

**GIỚI THIỆU TRI THỨC NGỮ VĂN VÀ NỘI DUNG BÀI HỌC**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng.

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện cười như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật và ngôn ngữ.

- Nhận biết được câu hỏi tu từ, nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu; nêu được tác dụng của việc sử dụng câu hỏi tu từ và nghĩa hàm ẩn; giải thích được nghĩa của một số câu tục ngữ thông dụng.

- Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống; nêu được lí lẽ, bằng chứng thuyết phục.

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội; nghe và tóm tắt được nội dung thuyết trình của người khác.

**2. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

Hình thành năng lực làm việc nhóm, năng lực gợi mở,…

**b. Năng lực đặc thù**

- Năng lực cảm thụ phân tích văn bản văn học.

- Năng lực ngôn ngữ: sử dụng câu hỏi tu từ, nghĩa hàm ẩn và nghĩa tường minh. .

- Năng lực tạo lập văn bản: viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống.

- Năng lực nói và nghe: trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội..

**3. Về phẩm chất**

- Có ý thức tránh những việc làm kệch cỡm, lố lăng; hướng đến cách ứng xử phù hợp.

- Chăm chỉ, tự giác học tập, tìm tòi và sáng tạo

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập, trả lời câu hỏi

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| - GV hướng dẫn HS tìm hiểu về hài kịch.  - HS trả lời  - GV hướng dẫn HS tìm hiểu về truyện cười.  - HS trả lời  - GV hướng dẫn HS tìm hiểu về câu hỏi tu từ.  - HS trả lời  - GV hướng dẫn HS tìm hiểu về nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn.  - HS trả lời | **1. Hài kịch**  Hài kịch là một thể loại của kịch, hướng vào sợ cười nhạo cái xấu xa, lố bịch, lạc hậu,… đối lập với các chuẩn mực về cái tốt đẹp, tiến bộ. Trong hài kịch có nhiều hình thức xung đột, nhưng phổ biến nhất là sự không tương xứng giữa cái bên trong với cái bên ngoài. Xung đột kịch biểu hiện qua hành động kịch với các sự việc, tình huống gây cười. Nhân vật chính trong hài kịch là những kiểu người có tính cách tiêu biểu cho các thói xấu đáng phê phán: hà tiện, tham lam, kiêu căng, khoe mẽ,… Lời đối thoại trong hài kịch mang đậm tính khẩu ngữ; cấu trúc đối thoại dựa trên những nội dung đối nghịch. Hài kịch thường sử dụng các thủ pháp trào phúng như: tạo tình huống kịch tính, cải trang; dùng điệu bộ gây cười; dùng thủ pháp phóng đại, chơi chữ, gây hiểu lầm, thoại bỏ lửng, nhại,…  **2. Truyện cười**  - Truyện cười là một thể loại tự sự có dung lượng nhỏ, dùng tiếng cười nhằm chế giễu những thói hư tật xấu, những điều trái tự nhiên, trái thuần phong mĩ tục của con người còn nhằm mục đích giải trí. Truyện cười thường ngắn, cốt truyện tập trung vào sự việc có yếu tố gây cười, tình huống trớ trêu, những nghịch lí trong đời sống,… Bối cảnh được xây dựng trong truyện cười thường bị cường điệu so với thực tế, có yếu tố bất ngờ. Nhân vật chính trong truyện cười thường là đối tượng bị chế giễu. Ngôn ngữ truyện cười dân dã, nhiều ẩn ý.  - Truyện cười thường là truyện dân gian, tuy nhiên cũng có cả ở hình thức truyện kể của văn học viết.  **3. Câu hỏi tu từ**  Câu hỏi tu từ là câu hỏi không dùng để hỏi mà để khẳng định, phủ định, bộc lộ cảm xúc,… Khác với câu hỏi thông thường, câu hỏi tu từ được sử dụng nhằm đạt một số hiệu quả giao tiếp như tăng sắc thái biểu cảm, biểu đạt ý nghĩa một cách tế nhị, uyển chuyển.  **4. Nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu**  Nghĩa tường minh là nghĩa được diễn đạt trực tiếp bằng các từ ngữ trong câu. Nghĩa hàm ẩn là nghĩa được suy ra từ nghĩa tường minh của cả câu, từ nghĩa của từ ngữ trong câu và từ ngữ cảnh sử dụng câu. |

**VĂN BẢN 1: TRƯỞNG GIẢ HỌC LÀM SANG**

(Trích, Mô-li-e)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng.

- Hình dung được lớp kịch này trên sân khấu, hiểu rõ Mô-li-e là nhà soạn kịch tài ba, xây dựng lớp kịch sinh động, khắc họa tài tình tính cách lố lăng của một tay trưởng giả học làm sang, gây tiếng cười sảng khoái cho khán giả.

- Thấy được tài năng của Mô-li-e trong việc xây dựng lớp hài kịch sinh động, hấp dẫn.

**2. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Hình thành năng lực làm việc nhóm, năng lực gợi mở,…

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

**b. Năng lực đặc thù**

- Năng lực cảm thụ phân tích văn bản văn học.

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến tác giả Mô-li-e

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Trưởng giả học làm sang.*

- Năng lực nhận biết, phân tích một số yếu tố của văn bản hài kịch.

**3. Về phẩm chất**

- Có ý thức tránh những việc làm kệch cỡm, lố lăng; hướng đến cách ứng xử phù hợp.

- Chăm chỉ, tự giác học tập, tìm tòi và sáng tạo.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập, trả lời câu hỏi

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu**: Tạo tâm thế, sự hứng khởi cho HS vào học bài, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung**: GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm**: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**:

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn: *Hãy chia sẻ những cảm nhận của em về một diễn viên hài hoặc bộ phim, tiểu phẩm, chương trình hài mà em yêu thích.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

- GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi, các HS khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, dẫn dắt vào bài: *Trong xã hội nhiều khi có những kẻ học đòi khiến cho bản thân trở nên lố bịch và trơ trẽn. Bất bình trước thói học đòi của một số kẻ thích làm sang theo lối thượng lưu nhưng lại thiếu hiểu biết đã gây cười cho thiên hạ, nhà viết kịch Mô- li-e đã thể hiện điều đó qua nhân vật ông Giuốc - đanh mà chúng ta sẽ tìm hiểu qua bài học hôm nay.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc – hiểu văn bản**

| **I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN** | |
| --- | --- |
| **a. Mục tiêu:** Giúp HS chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đọc hiểu văn bản, hướng dẫn đọc và rèn luyện các chiến thuật đọc.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến tác giả Mô-li-e và văn bản.  **c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Yêu cầu HS: *Trình bày ngắn gọn thông tin về tác giả Mô-li-e (HS đã chuẩn bị ở nhà).*    - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Từ phần chuẩn bị ở nhà, HS thảo luận theo nhóm đôi, bổ sung những chi tiết còn thiếu.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **Bước 3: Trao đổi, thảo luận báo cáo**  - GV gọi 2 HS phát biểu  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét và đưa ra kết luận.  **NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV gọi HS đọc văn bản: phân vai, đọc giọng to, rõ ràng và lưu loát.  - GV yêu cầu HS quan sát và trả lời:  *+ Hãy nêu vị trí của lớp kịch Trưởng giả học làm sang?*  *+ Dựa theo nội dung tóm tắt vở kịch, thì sự việc ông giuốc đanh mặc lễ phục nằm ở phần nào?*  *+ Tóm tắt trích đoạn trong SGK*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **1. Tác giả**  - Mô-li-e (1622 – 1673) là một trong những nhà viết kịch lớn nhất nước Pháp và thế giới.  - Hài kịch Mô-li-e là tiếng cười khỏe khoắn, yêu đời, vui nhộn mà sâu sắc, thâm trầm. Mỗi nhân vật chính trong hài kịch Mô-li-e là hiện thân của một tích cách nhất định: đạo đức giả, hà tiện, thông thái rởm, học đòi, ảo tưởng,…  - Những vở hài kịch tiêu biểu của Mô-li-e: *Tác-tuýp* (1664), *Lão hà tiện* (1668), *Trưởng giả học làm sang* (1670), *Người bệnh tưởng* (1673),…    **2. Văn bản**  Trưởng giả học làm sang phê phán thói học đòi, rởm đời, lố bịch của những người giàu có nhưng ít hiểu biết, ham danh vọng hão huyền đến mức lóa mắt, không nhận ra được thật hay giả, tốt hay xấu, trở thành kẻ lố bịch và ngu ngốc đến mức bị lợi dụng, cợt nhạo mà vẫn không hết ảo tưởng, mù quáng.  - Đoạn trích là trích đoạn hồi thứ hai và hồi thứ 3..  - Vở kịch nói về Ông Giuốc-đanh một thương gia giàu có nhưng lại dốt nát quê kệch học đòi làm sang 🡪 bị nhiều kẻ lợi dụng, nịnh hót để moi tiền.  \* Tóm tắt:  Lão Giuốc-đanh lại muốn có bộ lễ phục đẹp nhất triều đình. Phó may và bốn thợ phụ kéo đến để mặc thử lễ phục cho lão. Lão được chúng tâng bốc từ ông lớn, cụ lớn lên đức ông. Chúng lợi dụng sự hợm hĩnh, ngờ nghệch của tên trưởng giả học làm sang để nịnh hót, moi tiền của lão. Cuối cùng lão ta bị người hầu của mình cười chê trước bộ trang phục hợm hĩnh. |
| **II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI** | |
| **a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung, phân tích được các xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  *-* GV nêu yêu cầu  *+ Hành động kịch này diễn ra ở đâu? Sân khấu gồm mấy nhân vật?*  *+ Đối thoại chính trong kịch là ai? Xoay quanh nội dung gì?*  *+ Theo em vì sao chiếc áo lại bị may ngược hoa? Phản ứng của ông Giuốc-đanh.*  *+ Cách chống đỡ của phó may?*  *+ Nhận xét về nghệ thuật viết kịch của Mô-li-e.*  **-**HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ trả lời.  - GV quan sát, hỗ trợ HS  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thảo luận**  - GV nhận xét, đánh giá.  - GV chốt kiến thức và ghi bảng.  **NV2:**  **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  *-* GV nêu yêu cầu  *+ Bọn thợ phụ dùng mánh khoé gì để moi tiền của ông Giuốc-đanh?*  *+ Bằng việc cho tiền tốp thợ phụ sau mỗi lời tâng bốc, em nhận xét như thế nào về mức độ trưởng giả của ông Giuốc-đanh?*  *+ Chỉ ra mâu thuẫn kịch? Lớp kịch gây cười cho khán giả ở khía cạnh nào?*  **-**HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ trả lời.  - GV quan sát, hỗ trợ HS  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thảo luận**  - GV nhận xét, đánh giá.  - GV chốt kiến thức và ghi bảng.  **NV3:**  **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  *-* GV nêu yêu cầu  *+ Tại sao lời thoại của nhân vật Ni-côn chủ yếu lại gây tiếng cười?*  *+ Lời đề nghị của Ni-côn cho thấy trong mắt những tên hầu ông Giuốc-đanh là người như thế nào?*  **-**HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ trả lời.  - GV quan sát, hỗ trợ HS  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thảo luận**  - GV nhận xét, đánh giá.  - GV chốt kiến thức và ghi bảng. | **1. Ông Giuốc-đanh và phó may**  - Tại phòng khách nhà ông Giuốc-đanh bác phó may mang bộ lễ phục đến  - Có 4 nhân vật: ông Giuốc-đanh , bác phó may , tay thợ phụ,gia nhân của giuốc đanh.  - Đối thoại chính: ông Giuốc-đanh và phó may.  - Chuyện xoay bộ trang phục mới của ông Giuốc - đanh (bộ lễ phục, đôi bít tất, giày, bộ tóc giả và lông đính mũ…)Chủ yếu là bộ lễ phục.  - Chiếc áo ngược hoa. Có thể do sơ xuất cũng có thể là cố tình mà phó may đã may chiếc áo hoa ngược khiến Giuốc - đanh thành trò cười.  - Ông Giuốc-đanh chưa phải mất hết tỉnh táo, vẫn nhận ra chiếc áo ngược hoa.  - Phó may vụng chèo khéo chống bịa ra lí lẽ thuyết phục khiến ông Giuốc-đanh hài lòng.  - Giuốc đanh phát hiện phó may ăn bớt vải. Phó may lảng sang chuyện khác → nhắc Giuốc đanh mặc thử áo, đánh vào tâm lí.  => Đoạn kịch có kịch tính cao Phó may đang ở thế bị động sang chủ động, tiếp đến ông Giuốc đanh phát hiện ra phó may ăn bớt vải chuyển sang chủ động  → phó may chống trả yếu ớt. Nhưng ông ta đã đảo ngược tình huống bằng một nước cờ cao tay đánh vào tâm lí trưởng giả học làm sang của ông Giuốc- đanh.  🡪 Ông Giuốc đanh dốt nát dễ bị mắc lừa mà vẫn tưởng mình “sang”.  **2. Ông Giuốc-đanh và tốp thợ phụ**  - Tác giả chuyển cảnh hết sức tự nhiên và khéo léo bằng việc ông Giuốc-đanh mặc lễ phục xong là được tốp thợ phụ tôn xưng → khiến ông ta tưởng mặc lễ phục vào là thành quý phái.  - Chúng nắm được điểm yếu để nịnh hót, tâng bốc → moi tiền.  - Phép tăng tiến trong lời tâng bốc  → Sự học đòi làm sang càng ngày càng mãnh liệt (sẵn sàng cho hết tiền để được sang hão )  => Ông Giuốc- đanh, thích học đòi, mua danh hão mâu thuẫn với sự dốt nát, bị người khác lợi dụng, kiếm chác => Cười hình ảnh Giuốc-đanh mặc lễ phục thật hài trên sân khấu.  **3. Ông Giuốc-đanh, Ni-côn và những tên hầu**  - Lời thoại của Ni-côn: Hí, hí, hí, hí! Hí, hí, hí, hí, hí! Hi, hi, hi... Trông ông ăn mặc đến hay.  🡪 Lời thoại của Ni-côn chủ yếu là tiếng cười bởi vì: Lão Giuốc-đanh trọc phú dốt nát chỉ vì thói học đòi làm sang mà bị bác phó may và chú thợ phụ lợi dụng để kiếm chác. Lão đã khiến Ni- côn bật cười khi thấy lão tin rằng phải mặc áo ngược hoa thì mới là quý phái và cứ moi mãi tiền ra thưởng cho tay thợ phụ để mua lấy mấy cái tên gọi hão huyền.  - Lời đề nghị của Ni-côn: Thôi, thưa ông, thà là ông cứ đánh con đi nhưng để cho con được cười bằng thích, còn hơn. Hí, hí, hí, hí, hí!  🡪 Trong mắt những tên hầu, ông Giuốc-đanh chẳng khác nào một chú hề, kệch cỡm, lố bịch. Ông Giuốc-đanh ngu dốt chẳng biết gì, bị lừa mị, lợi dụng để những tên thợ may, phó may để kiếm chác. |
| **III. TỔNG KẾT** | |
| **a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung, nghệ thuật của văn bản.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS tổng kết lại nội dung, nghệ thuật của văn bản:  *+ Nội dung chính của văn bản.*  *+ Nhận xét về nghệ thuật của văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. | **1. Nội dung**  - Ông Giuốc-đanh ngu dốt, học đòi làm sang, bị phó may và thợ phụ lợi dụng.  - Ngớ ngẩn, tưởng mặc áo hoa ngược mới là sang trọng, là quý phái. Tiếc tiền nhưng quá ham danh nên vẫn bỏ tiền ra để mua danh ảo tưởng.  **2. Nghệ thuật**  - Vở kịch minh chứng cho tài năng kiệt xuất của Mô-li-e.  - Khắc họa rõ nét kiểu người đáng bị lên án trong xã hội bấy giờ.  - Vận dụng tiếng cười để làm công cụ sắc bén tiêu diệt tư tưởng lố bịch của kẻ như tên trưởng giả và lối sống cầu toàn đểu cáng của tầng lớp quý tộc Pháp. |

**Hoạt động 2: Viết kết nối và đọc**

**a. Mục tiêu:** Viết được đoạn văn trình bày suy nghĩ về chi tiết trong văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS: *Viết đoạn văn (khoảng 7-9 câu) trình bày suy nghĩ của em về chi tiết phó may may áo ngược hoa trong đoạn trích trên..*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS viết đoạn văn, GV theo dõi, hỗ trợ (nếu cần).

**Bước 3: Trao đổi, báo cáo sản phẩm**

- HS đọc đoạn văn, những HS khác theo dõi, nhận xét,…

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**

- GV nhận xét, chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

- Chiếu (đọc) đoạn văn mẫu.

| ***Đoạn văn mẫu***  (1)Trong vở hài kịch Trưởng giả học làm sang chi tiết phó may may áo ngược hoa đã cho thấy ông Giuốc-đanh là một kẻ ngu dốt, ưa nịnh, học đòi làm sang còn tên phó may thì ranh mãnh dùng mánh khóe nịnh hót để moi tiền, điểm huyệt đúng thói học đòi làm sang của ông Giuốc-đanh. (2)Ông Giuốc-đanh trách thì bác phó may lại kêu ông có dặn may xuôi đâu. (3)Giuốc-đanh bực mình lắm nhưng khi nghe bác phó may nói quý tộc thường mặc thế thì ông lại thôi, vì cốt sao ông mặc cho giống một quý tộc là được. (4)Chỉ cần có thế bác phó may không cần may lại mà lại còn được khen là may được đấy. (5)Tất cả mọi thứ được qua loa khi bộ áo khen là giống quý tộc kể cả chuyện ăn bớt vải cũng không đáng quan tâm nữa. (6)Điều đáng buồn cười thứ hai là vải hoa thì đương nhiên phải may bông hoa hướng lên trên, nhưng bác phó chẳng biết là do vụng hay do cố tình biến Giuốc-đanh thành trò cười cho thiên hạ nên đã may hoa chúc xuống phía dưới. (7)Qua đây có thể thấy được nhà viết kịch Mô-li-e thật sự thành công khi xây dựng nhân vật Giuốc-đanh này đồng thời qua đây tác giả phê phán những người ham danh hão, muốn học người ta làm quý tộc trong khi bản thân không biết gì, để cho những nhân vật kia lừa gạt một cách trắng trợn.(8)Vở hài kịch Trưởng giả học làm sang là lời cảnh báo cho những kẻ bị tha hóa về nhân cách, hoang tưởng về mình, ham thích những thứ mình không thể có và không nên có. |
| --- |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản *Trưởng giả học làm sang.*

**b. Nội dung:** GV chiếu câu hỏi, HS suy nghĩ, trả lời để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *Em hãy tìm những chi tiết tạo tính hài kịch của vở kịch?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, viết bài.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *Em rút ra được bài học gì cho bản thân sau khi học xong văn bản Trưởng giả học làm sang.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, làm bài tập.

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt**

- Nhận biết được câu hỏi tu từ.

- Hiểu được tác dụng của câu hỏi tu từ.

- Phân biệt được câu hỏi tu từ với câu nghi vấn.

- Áp dụng được câu hỏi tu từ vào cuộc sống thực tiễn.

**2. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Hình thành năng lực làm việc nhóm, năng lực gợi mở,…

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

**b. Năng lực đặc thù**

- Năng lực nhận biết, hiểu được tác dụng của câu hỏi tu từ.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

**3. Về phẩm chất**

- Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập, trả lời câu hỏi

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS: Xác định câu hỏi tu từ trong đoạn thơ sau? Và cho biết, các câu hỏi ấy có cần người trả lời hay không?

“Mơ khách đường xa, khách đường xa

Áo em trắng quá nhìn không ra

Ở đây sương khói mờ nhân ảnh

Ai biết tình ai có đậm đà?”

                                         (Hàn Mặc Tử)

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS nghe GV nêu yêu cầu, suy nghĩ hoàn thành bài tập.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS trả lời

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**

- GV nhận xét, khen ngợi các HS đã làm đúng, nhắc nhở HS làm chưa đúng.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Câu hỏi tu từ là một trong những phép nghệ thuật được sử dụng phổ biến trong văn học và giao tiếp hằng ngày. Vậy cụ thể thì câu hỏi tu từ là gì? Nó có đặc điểm và tác dụng như thế nào? Trong bài học hôm nay, chúng ta hãy cùng tìm hiểu chi tiết về đặc điểm và tác dụng của câu hỏi tu từ nhé!*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Khám phá**

**a. Mục tiêu:** HS tìm hiểu, tiếp thu kiến thức về câu hỏi tu từ.

**b. Nội dung:** HS vận dụng kiến thức trong SGK để thực hiện nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm:** HS nắm rõ kiến thức về bài học.

**d. Tổ chức thực hiện**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc thẻ nội dung trong SGK và đặt câu hỏi:  *+ Nêu cách nhận biết câu hỏi tu từ.*  *+ Nêu tác dụng của câu hỏi tu từ.*  *Đọc các ví dụ sau:*  a. *– Có đi xem phim với tớ không?*  *– Cậu không thấy tớ còn nhiều bài tập thế này à?*  b. *Mẹ ơi, trên mây có người gọi con:*  *“Bọn tớ chơi từ khi thức dậy cho đến lúc chiều tà. Bọn tớ chơi với bình minh vàng, bọn tớ chơi với vầng trăng bạc”.*  *Con hỏi: “Nhưng làm thế nào mình lên đó được?”.*  *Họ đáp: “Hãy đến nơi tận cùng trái đất, đưa tay lên trời, cậu sẽ được nhấc bổng lên tận tầng mây”.*  *“Mẹ mình đang đợi ở nhà” – con bảo – “Làm sao có thể rời meh mà đến được?”.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **1. Nhận biết câu hỏi tu từ**  a. Câu thứ nhất là câu có mục đích hỏi. Câu thứ hai có hình thức là câu hỏi nhưng lại biểu thị sự từ chối (không đi xem phim được). Vậy câu thứ hai là câu hỏi tu từ.  b. Câu *“Nhưng làm thế nào mình lên đó được?”* là câu có mục đích hỏi. Câu *“Làm sao có thể rời mẹ mà đến được?”* dùng hình thức câu hỏi nhưng là để khẳng định (không thể đi chơi ở những nơi kì thú, xa xôi). Vậy câu *“Làm sao có thể rời mẹ mà đến được?”* là câu hỏi tu từ.  🡪 Câu hỏi tu từ là câu hỏi được con người đặt ra nhưng lại không hướng tới việc tìm kiếm câu trả lời, hoặc nội dung câu trả lời đã có sẵn trong câu hỏi đó.  **2. Tác dụng của câu hỏi tu từ**  - Trong giao tiếp, câu hỏi tu từ nhằm thu hút sự quan tâm của người nghe, làm cho lời nói thêm uyển chuyển, giàu sắc thái biểu cảm.  - Câu hỏi tu từ được sử dụng trong văn học nhằm làm tăng sắc thái biểu cảm, gợi ra nhiều ý nghĩa, tạo hiệu quả thẩm mĩ cho văn bản. |

**Hoạt động 2: Thực hành**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức về câu hỏi tu từ để làm các bài tập trong SGK.

**b. Nội dung:** HS vận dụng kiến thức trong SGK để thực hiện nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giao nhiệm vụ: Yêu cầu HS thực hiện các bài tập trong SGK.  *1. Chỉ ra các câu hỏi tu từ trong đoạn trích vở kịch Trưởng giả học làm sang. Giải thích vì sao đó là những câu hỏi tu từ.*  *2. Hãy viết lại các câu hỏi tu từ em tìm được ở bài tập 1 thành câu kể (kết thúc bằng dấu chấm) sao cho vẫn giữ được ý nghĩa thông báo của câu. So sánh hiệu quả của câu hỏi tu từ và hiệu quả của câu kể.*  *3. Chuyển đổi các câu sau đây sang hình thức câu hỏi tu từ:*  *a. – Tôi không làm sao đến sớm hơn được, ấy là tôi đã cho hai chục chú thợ bạn xúm lại chiếc áo của ngài đấy.*  *b. – Hãy thong thả, chú mình.*  *(Mô-li-e, Trưởng giả học làm sang)*  *4. Những câu kết thúc bằng dấu chấm hỏi trong đoạn văn dưới đây có phải câu hỏi tu từ không? Vì sao?*  *Ơi ơi người em gái xõa tóc bên cửa sổ! Em yêu mùa xuân có phải vì nghe thấy rạo rực nhựa sống trong cành mai, gốc đào, chổi mận ở ngoài vườn? Chàng trai kia yêu mùa xuân, phải chăng là tại lúc đôi mùa giao tiễn nhau, chàng tưởng như nghe thấy đồi núi chuyển mình, sông hồ rung động trong cuộc đổ thay thường xuyên của cuộc đời? Mà người thiếu phụ nọ ở chân trời góc biển yêu mùa xuân có phải là vì đất là mùa xanh lên hi vọng được trở về nơi bến đợi sông chờ để ngâm lại khúc bạc đầu với người ra đi chưa biết ngày nào trở lại?*  *(Vũ Bằng, Tháng Giêng mơ về trăng non rét ngọt)*  *5. Hãy đặt câu hỏi tu từ cho từng tình huống sau đây:*  *a. Bày tỏ cảm xúc khi được nhận một món quà từ người thân.*  *b. Bày tỏ suy nghĩ về một nhân vật trong tác phẩm văn học đã học hoặc đã đọc.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiến hành thảo luận theo nhóm.  - GV quan sát, hỗ trợ những nhóm gặp khó khăn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả trước lớp.  - Yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **Câu 1**  - Các câu hỏi tu từ trong đoạn trích vở kịch Trưởng giả học làm sang: Đâu có là thế nào? Thế này là thế nào? Lại còn phải bảo cái đó à? Những người quý phái mặc ngược hoa à? Bác cho rằng tôi mặc thế này có vừa sát không? Thế nào?  - Những câu hỏi đó là câu hỏi tu từ bởi vì:  + Có đầy đủ hình thức của một câu nghi vấn và luôn có dấu chấm hỏi để kết thúc một câu  + Câu hỏi tu từ được sử dụng nhằm khẳng định, hoặc nhấn mạnh nội dung, ý nghĩa nào đó mà người nói hoặc người viết muốn biểu đạt đến người khác  + Thông tin được truyền đạt phải dễ hiểu, dễ tiếp thu đối với người đọc, người nghe  + Thông tin luôn mang ý nghĩa tượng trưng cho một vấn đề nào đó  + Được dùng theo cách nói ẩn dụ, nhằm thể hiện sắc thái biểu đạt  + Có thể mang hàm ý phủ định với nội dung được người nói, người viết nhắc đến trong câu  **Câu 2**  - Viết lại các câu hỏi tu từ thành câu kể:  + Đâu có thế.  + Thế à.  + Bảo nữa à.  + Những người quý phái mặc ngược hoa.  + Tôi mặc sát như này bác xem đi.  - So sánh hiệu quả nghệ thuật:  + Câu hỏi tu từ mang lại hiệu quả giao tiếp cao giữa người nói và người nghe, giúp cho câu văn trở nên sinh động, hấp dẫn và trực quan hơn.  + Câu kể làm mất đi sắc thái ý nghĩa của câu.  **Câu 3**  a. Tôi không biết làm sao có thể đến sớm được đây, tôi có thể cho hai chục chú thợ bạn xúm lại chiếc áo của ngài?  b. Chú mình có thể thong thả chút không?  **Câu 4**  Các câu hỏi trên là câu hỏi tu từ bởi vì các câu hỏi đó nhằm tăng sức biểu cảm, gợi ra nhiều ý nghĩa cho câu văn.  **Câu 5**  a. Món quà này là để tặng cho con sao?  b. Có lẽ Thúy Kiều đã để lại cho người đọc nhiều sự đồng cảm, thương xót bởi sự tài hoa bạc mệnh của nàng? |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về câu hỏi tu từ*.*

**b. Nội dung:** GV chiếu câu hỏi, HS suy nghĩ, trả lời để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV nêu yêu cầu HS: *Em hãy viết đoạn văn trình bày suy nghĩ của mình về nhân vật ông Giuốc-đanh, trong đoạn văn có sử dụng câu hỏi tu từ.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, viết bài.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để áp dụng vào thực tiễn.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *Em hãy lấy 1 số vì dụ đời sống có sử dụng câu hỏi tu từ, nêu tác dụng câu hỏi tu từ trong các trường hợp ấy?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, làm bài tập.

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

**VĂN BẢN 2. CHÙM TRUYỆN CƯỜI DÂN GIAN VIỆT NAM**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt**

- Nhận biết được đối tượng của tiếng cười trong truyện.

- Hiểu được nguyên nhân, ý nghĩa của tiếng cười và những nét đặc sắc của nghệ thuật gây cười trong các truyện cười được học.

- Rút ra được bài học cho bản thân qua các truyện cười.

**2. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Hình thành năng lực làm việc nhóm, năng lực gợi mở,…

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

**b. Năng lực đặc thù**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến thể loại truyện cười và các truyện cười được học.

- Năng lực nhận biết, phân tích một số yếu tố của truyện cười.

**3. Về phẩm chất**

- Có ý thức tránh những việc làm kệch cỡm, lố lăng; hướng đến cách ứng xử phù hợp.

- Chăm chỉ, tự giác học tập, tìm tòi và sáng tạo

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập, trả lời câu hỏi

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu**: Tạo tâm thế, sự hứng khởi cho HS vào học bài, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung**: GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm**: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn: *Hãy nêu tên những truyện cười mà em biết. Chọn kể một truyện cười em cho là thú vị.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS hoạt động cá nhân, kết nối với thực tế, trả lời câu hỏi.

**Bước 3: Báo cáo thảo luận**

- Yêu cầu khoảng 4 HS trả lời.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét.

- GV khơi gợi những vấn đề để nêu nhiệm vụ cho bài học mới: *Truyện cười là những truyện gây cười hàm chứa một ý nghĩa nào đó. Có loại hài hước, có loại châm biếm sâu cay. Bài học ngày hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu chùm truyện cười dân gian Việt Nam để thấy được nghệ thuật trào lộng dân gian, phê phán những thói hư tật xấu trong xã hội.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc – hiểu văn bản**

| **I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN** | |
| --- | --- |
| **a. Mục tiêu:** Giúp HS chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đọc hiểu văn bản, hướng dẫn đọc và rèn luyện các chiến thuật đọc.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến tác giả và văn bản.  **c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức cho HS tìm hiểu về truyện cười:  *+ Nêu hiểu biết của em về thể loại truyện cười.*  *+ Khi đọc hiểu văn bản truyện cười cần lưu ý điều gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | - Truyện cườilà những truyện dân gian ngắn, có kết cấu chặt chẽ, kết thúc bất ngờ, kể về những sự việc, hành vi trái tự nhiên của con người, có tác dụng gây cười, nhằm mục đích giải trí và phê phán xã hội.  - Đặc điểm:  + Truyện cười thường khai thác những mâu thuẫn trái tự nhiên những hành động kệch cỡm, rởm đời hay dốt nát trong cuộc sống.  + Truyện thường ngắn nhưng chặt chẽ, ít các chi tiết rườm rà, mâu thuẫn phát triển nhanh và kết thúc bất ngờ.  + Truyện cười mang ý nghĩa giải trí và giáo dục.  + Ngoài tiếng cười, nó tập trung phê phán những thói hư tật xấu trong nội bộ nhân dân, vì thế mới có ý kiến cho rằng, truyện cười không chỉ là sản phẩm của óc khôi hài mà còn là một thứ vũ khí đấu tranh đắc dụng của nhân dân ta.  - Khi đọc hiểu văn bản truyện cười cần lưu ý về đối tượng, nguyên nhân, ý nghĩa của tiếng cười và nghệ thuật gây cười của truyện. |
| **II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI** | |
| **a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung, phân tích được đặc điểm, đối tượng, nguyên nhân và nghệ thuật gây cười của truyện.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Tìm hiểu văn bản *Lợn cưới áo mới***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giao nhiệm vụ:  *+ Anh thứ nhất có gì để khoe? Theo em, một cái áo mới may có đáng để khoe thiên hạ không?*  *+ Anh thứ hai có gì để khoe? Có đáng khoe thiên hạ một con lợn làm cỗ cưới không?*  *+ Hai anh kia đã đem những cái rất bình thường để khoe mình có của. Điều đó có đáng cười không? Vì sao?*  *+ Qua sự việc này, nhân dân muốn cười giễu tính xấu gì của người đời?*  *+ Tác giả dân gian đã sử dụng nghệ thuật gây cười ở chỗ nào?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV2: Tìm hiểu văn bản *Treo biển***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giao nhiệm vụ:  *+ Nội dung tấm biển có mấy yếu tố? Vai trò của từng yếu tố?*  *+ Theo em, biển ghi như vậy hợp lý chưa? vì sao?*  *+ Có mấy người góp ý? Góp ý như thế nào? Theo em các ý kiến trên chỗ nào hợp lí, chỗ nào không? Vì sao?*  *+ Ý nghĩa cái cười trong truyện?*  *+ Từ truyện này em có thể rút ra bài học gì?*  *+ Nếu nhà hàng bán cá trong truyện nhờ em làm lại cái biển, em sẽ làm như thế nào?*  *+ Qua câu truyện, em rút ra bài học gì về cách dùng từ? (Lặp từ để nhấn mạnh hành động, có tác dụng gây cười).*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV3: Tìm hiểu văn bản *Nói dóc gặp nhau***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giao nhiệm vụ:  *+ Lời nói của hai nhân vật trong truyện có điều gì đặc biệt?*  *+ Chi tiết nào trong truyện tạo ra sự bất ngờ cho chuyện?*  *+ Nhân vật nào mới là nhân vật nói dóc?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **1. Lợn cưới áo mới**  **\* Những của được đem khoe**  **+** Một cái áo mới may  + Một con lợn để cưới  🡪 Những cái rất bình thường  🡪 Đáng cười, lố bịch. Chế giễu tính khoe khoang, nhất là khoe của.  **\* Cách khoe của**  - Anh lợn cưới:  + Đang tìm lợn xổng  + Hỏi to, nhấn mạnh từ “cưới”.  🡪 Lẽ ra phải hỏi “anh có thấy con lợn đen (hoặc trắng, lang) của tôi chạy qua đây không?  + Mục đích: Khoe lợn, khoe của.  - Anh áo mới:  + Đứng hóng ở của để đợi người ta khen.  + Kiên trì đứng đợi từ sáng đến chiều.  + Giơ vạt áo, bảo: “Từ lúc tôi...”.  🡪 Điệu bộ lố bịch, tức cười; thừa hẳn một vế.  🡪 Chế giễu, phê phán những người có tính hay khoe của, một tính xấu khá phổ biến trong xã hội.  **2. Treo biển**  **a. Treo biển quảng cáo**  - Ở đây có bán cá tươi  - Biển có 4 yếu tố, thông báo 4 nội dung:  + ở đây: thông báo địa điểm cửa hàng.  + có bán: thông báo hoạt động.  + cá: thông báo mặt hàng bán.  + tươi: thông báo chất lượng hàng.  🡪 Biển ghi hợp lí, các thông tin đầy đủ, chính xác, không cần thêm bớt chữ nào.  **b. Những góp ý về cái biển**  - Có 4 người góp ý về cái biển  + Lần 1: người qua đường: thừa chữ tươi.  + Lần 2: khách góp ý: bỏ “ở đây”.  + Lần 3: khách góp ý: bỏ “có bán”.  + Lần 4: người láng giềng: bỏ “cá”.  🡪 Các ý kiến đều mang tính cá nhân, chủ quan và ngụy biện.  🡪 Tình huống cực đoan, vô lí và cách giải quyết một chiều.  🡪 Gây cười ở sự thống nhất giữa các ý  kiến với nhau là cùng chê bai sự dài dòng của tấm biển, gây cười ở chỗ sự chiều khách, lắng nghe và nhất nhất làm theo mọi lời khuyên, không cần suy nghĩ của nhà hàng.  **c. Sự tiếp thu của nhà hàng**  - Mỗi lần nghe góp ý nhà hàng làm theo ngay không cần suy nghĩ.  - Cái biển được cất đi.  → Cái ngược đời phi lí, trái tự nhiên làm tiếng cười bật ra.  **3. Nói dóc gặp nhau**  - Người thứ nhất miêu tả chiếc ghe: dài không lấy gì đo cho xiết. Một người tuổi hai mươi đứng ở đầu mũi bắt đầu đi ra đằng lái; đi đến giữa cột buồm thì đã già, râu tóc bạc phơ, cứ thế đi, đến chết vẫn chưa tới lái.  **🡪** Lời nói của anh đầu tiên thể hiện tính cách nói khoác lác, ba hoa.  - Người thứ hai miêu tả cái cây:  + Cao ghê gớm. Có một con chim đậu trên cành cây ấy, đánh rơi một hột đa. Hột đa rơi xuống lưng chừng gặp mưa, gặp bụi rồi nảy mầm, đâm rễ thành cây đa. Cây đa lớn lên, sinh hoa, kết quả, hột đa ở cây đa đó lại rơi vãi ra, đâm chồi nảy lộc thành nhiều cây đa con. Đa con lớn lên, sinh hoa kết quả, lại nảy ra đàn cây đa cháu, cứ thế mãi cho đến khi rơi tới đất thì đã bảy đời tất cả.  **+** Nếu không có cây cao như thế thì lấy đâu ra gỗ để đóng chiếc ghe của anh? 🡪 Chi tiết gây cười.  🡪 Lời nói của anh thứ hai tuy khoác lác nhưng ngụ ý nhằm chê bai, phê phán thói nói dóc của anh thứ nhất. |
| **III. TỔNG KẾT** | |
| **a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung, nghệ thuật của chùm văn bản.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS tổng kết lại nội dung, nghệ thuật của văn bản:  *+ Nội dung chính của văn bản.*  *+ Nhận xét về nghệ thuật của văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. | **1. Nội dung**  Những mẩu truyện cười nhằm phê phán các kiểu người trong xã hội, dùng tiếng cười để chế giễu những thói hư tật xấu của con người.  **2. Nghệ thuật**  Truyện bố cục ngắn gọn, kết thúc bất ngờ, mâu thuẫn gây cười ngay trong lời nói, hành động của nhân vật. |

**Hoạt động 2: Viết kết nối và đọc**

**a. Mục tiêu:** Viết được đoạn văn trình bày suy nghĩ về tính cách đáng phê phán trong truyện cười.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS: *Viết đoạn văn (khoảng 7-9 câu) trình bày suy nghĩ của em về một tính cách đáng phê phán được nói đến trong những truyện cười trên.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS viết đoạn văn, GV theo dõi, hỗ trợ (nếu cần).

**Bước 3: Trao đổi, báo cáo sản phẩm**

- HS đọc đoạn văn, những HS khác theo dõi, nhận xét,…

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**

- GV nhận xét, chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

- Chiếu (đọc) đoạn văn mẫu.

| ***Đoạn văn mẫu:***  (1)Thông qua truyện cười “Treo biển” tác giả dân gian đã nhằm phê phán những người không có chính kiến trong xã hội. (2)Những người này sẽ khó có được thành công trong cuộc sống. (3)Bất kỳ ai sinh ra cũng có những điểm mạnh nhất định của mình mà chính bản thân ta phải tự mình tìm lấy nó. (4)Bên cạnh đó vẫn còn có nhiều người tự ti vào bản thân, không tin tưởng bản thân mình, luôn chỉ nhìn thấy nhược điểm của mình và sống trong sự chìm đắm, ao ước được như người khác,… những người này nếu không xem xét lại cách sống của bản thân thì sớm trở nên vô định. (5)Tuy nhiên, đừng bị nhầm lẫn có chính kiến riêng với lối sống “bảo thủ”, không chịu nghe ý kiến từ người khác, lúc nào cũng coi ý kiến của mình đưa ra là đúng, là hay nhất. (6)Bởi đôi khi, ta phải biết lắng nghe, biết nhìn nhận để thấy được quan điểm của mình có thật sự đúng đắn. (7)Chính vì vậy, dù ta đang đi học, đi làm hay ở bất cứ vị trí nào trong xã hội thì bản thân mỗi người đều phải có lập trường vững vàng, và hãy biết tiếp thu những ý kiến của người khác một cách thông minh, sử dụng trí tuệ để phân biệt rõ đúng sai mà điều chỉnh cho phù hợp. |
| --- |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về chùm truyện cười dân gian Việt Nam*.*

**b. Nội dung:** GV chiếu câu hỏi, HS suy nghĩ, trả lời để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *Nêu cảm nghĩ của em về nhân vật em ấn tượng nhất trong chùm truyện cười dân gian Việt Nam?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, viết bài.

- GV gọi 2 – 3 HS trả lời.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức để áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *Qua mỗi truyện cười trên, em rút ra được bài học gì cho bản thân?*

- GV hướng dẫn HS:

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, làm bài tập.

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

**VĂN BẢN 3. CHÙM CA DAO TRÀO PHÚNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt**

- Nhận biết được đối tượng trào phúng của từng bài ca dao.

- Hiểu được ý nghĩa của những bài ca dao.

- Nắm được nghệ thuật phóng đại, đối lập, chơi chữ của chùm ca dao trào phúng.

**2. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Hình thành năng lực làm việc nhóm, năng lực gợi mở,…

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

**b. Năng lực đặc thù**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến thể loại ca dao và chùm ca dao trào phúng.

- Năng lực nhận biết, phân tích một số yếu tố của ca dao trào phúng.

**3. Về phẩm chất**

- Có ý thức tránh những việc làm kệch cỡm, lố lăng; hướng đến cách ứng xử phù hợp.

- Chăm chỉ, tự giác học tập, tìm tòi và sáng tạo

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập, trả lời câu hỏi

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu**: Tạo tâm thế, sự hứng khởi cho HS vào học bài, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung**: GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm**: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn: *Hãy nêu một vài câu ca dao trào phúng mà em biết. Các câu ca dao ấy nhằm lên án, phê phán điều gì?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS hoạt động cá nhân, kết nối với thực tế, trả lời câu hỏi.

**Bước 3: Báo cáo thảo luận**

- Yêu cầu khoảng 4 HS trả lời.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét.

- GV khơi gợi những vấn đề để nêu nhiệm vụ cho bài học mới: *Đả kích thói hư tật xấu của con người, ông bà ta xưa đã mượn ca dao để thể hiện tiếng cười hài hước châm biếm, trào lộng. Tiếng cười làm vui cửa, vui nhà, vui anh, vui em cho quên đi nỗi vất vả cực nhọc của đời sống. Để thấy được điều đó, hãy tìm hiểu chùm ca dao chùm ca dao trào phúng.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

| **I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN** | |
| --- | --- |
| **a. Mục tiêu:** Giúp HS chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đọc hiểu văn bản, hướng dẫn đọc và rèn luyện các chiến thuật đọc.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức cho HS tìm hiểu về thể loại ca dao: *Hãy trình bày hiểu biết của em về ca dao trào phúng?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | Ca dao trào phúng tập trung trí tuệ, nghệ thuật trào lộng dân gian như tạo ra mâu thuẫn, cách nói phóng đại, chơi chữ để bật lên tiếng cười mang nhiều sắc thái khác nhau. |
| **II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI** | |
| **a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung, phân tích được một số yếu tố của ca dao trào phúng.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giao nhiệm vụ:  *+ Nội dung chính của bài ca dao này là gì?*  *+ Đối tượng được nhắc đến trong bài ca dao là ai? Bị phê phán về điều gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giao nhiệm vụ:  *+ Nêu nội dung chính của bài ca dao?*  *+ Những đối tượng xuất hiện trong bài ca dao này có gì đặc biệt?*  *+ Phân tích màn đối đáp giữa người và chuột?*  *+ Bài ca dao lên án, phê phán điều gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV3:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giao nhiệm vụ:  *+ Bài ca dao nói về chủ đề gì?*  *+ Anh học trò trong bài ca dao có xuất thân, gia cảnh ra sao?*  *+ Nhận xét về đồ dẫn cưới của anh học trò?*  *+ Bài ca dao lên án hủ tục gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **1. Bài ca dao số 1**  Bài ca dao nói về những người thầy bói rởm, hành nghề mê tín.  - Âm thanh: chập chập, cheng cheng  🡪 Âm thanh của tiếng trống, tiếng chiêng mê tín, hư ảo.  - Sự vật: con gà trống thiến, xôi.  🡪 Những lễ vật để cúng bái.  - Con người (cách xưng hô): thầy  🡪 Hành nghề mê tín, dị đoan.  => Bài ca dao trên là những lời mỉa mai, châm biếm với những người bói toán dởm. Đó là những lời dụ dỗ,mê tín mạng tính chất lừa người và chuộc lợi về bản thân của tên thầy bói. Qua đây, ta thấy rõ sự mỉa mai, khinh bỉ và chế giễu của người xưa đối với những người hành nghề mê tín này. Không chỉ thế, đó còn là lời cảnh báo và khuyên nhủ những người tin vào những thứ mê tín như bài ca dao trên.  **2. Bài ca dao số 2**  - Bài ca dao số 2 nói về sự giả tạo của con mèo và sự khôn ngoan của chú chuột.  - Hình ảnh mèo – chuột (cách xưng hô: chú chuột và con mèo) 🡪 sự tương phản đối lập. (mèo giả tạo, gian trá >< chuột khôn ngoan, khéo léo).  - Cách dùng từ “hỏi thăm”, “chú chuột” nói lên sự dối trá, tinh quái của mèo. Nhưng chú chuột tinh khôn, láu lỉnh không dễ bị đánh lừa, lại nói kháy mèo cho bõ ghét, cho hả giận “giỗ cha chú mèo”.  - “Đi chợ đàng xa”, nghĩa là chuột muốn nói với mèo rằng mình đã cao chạy xa bay rồi, không tóm được đâu. Mèo tinh quái nhưng chuột còn tinh ranh hơn. Kết cuộc là cảnh chú chuột nhỏ bé tinh khôn đã thắng lão mèo to xác hung dữ – một kết thúc có hậu.  => Bài đồng dao mách nước cho kẻ yếu cách ứng xử với kẻ mạnh; chuột khôn khéo, mềm mỏng đáp lại sự “ân cần hỏi han” của mèo để cầu sự bình an theo phương châm “Mạnh dùng sức, yếu dùng chước”.  **3. Bài ca dao số 3**  - Chủ đề: Tục lệ thách cưới 🡪 đây là một chủ đề quen thuộc trong ca dao.  - Hoàn cảnh của anh học trò: Gia cảnh khó khăn, không có tiền bạc, không có khả năng mua sính lễ theo sự thách cưới “Em mà thách cưới anh lo thế nào?”.  - Anh học trò đem bán bể, bán sông để có tiền dẫn cưới. 🡪 Cách nói phóng đại.  - Những đồ dẫn cưới: trăm tám ông sao, trăm tấm lụa đào, một trăm con trâu, một nghìn con lợn, bồ câu tám nghìn, tám vạn quan tiền, một chĩnh vàng hoa, mười chum vàng cốm bạc, ba chum mật ong, mười thúng mỡ muỗi. Những điều đó là phi thực tế, đó là cách anh học trò nghèo chế giễu cô gái khi thách cưới.  => Bài ca dao số 3 lên án hủ tục: Thách cưới. Cách lên án đó có phần hài hước, dí dỏm. Anh học trò này thật lém lỉnh và táo bạo, anh không thương lượng giảm bớt mà lại tỏ ra bình thản đến lạ lùng. Và thậm chí lễ vật của anh còn có vẻ vượt mấy lần yêu cầu của cô gái đề ra. Nếu như cô gái thách "hai mươi tám", "chín mươi chín" ông sao thì anh lại dẫn tới "trăm tám ông sao trên trời". Vì tình yêu, anh không sợ, không để những lễ vật đó trở thành rào cản anh đến với cô gái và có lẽ cũng hiểu tâm lí của cô gái mà chàng trai cũng đáp lại như thế cho thỏa tấm lòng của cô. Việc dẫn hơn số lễ vật mà cô gái yêu cầu cũng thể hiện sự trân trọng của chàng trai đối với phẩm giá của cô gái và sự đồng cảm của anh đối với người yêu như thế nào. |
| **III. TỔNG KẾT** | |
| **a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung, nghệ thuật của văn bản.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS tổng kết lại nội dung, nghệ thuật của văn bản:  *+ Nội dung chính của văn bản.*  *+ Nhận xét về nghệ thuật của văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. | **1. Nội dung**  Các bài ca dao thể hiện nét đặc sắc của nghệ thuật trào lộng dân gian Việt Nam. Nó phơi bày các sự việc mâu thuẫn, phê phán thói hư, tật xấu của những hạng người và sự việc đáng cười trong xã hội. Tiếng cười trong ca dao là tiếng cười suy ngẫm, nhằm mục đích đả kích một cách sâu cay những thói hư tật xấu của con người.  **2. Nghệ thuật**  - Sử dụng thể thơ lục bát.  - Lối nói phóng đại, ẩn dụ, chơi chữ.  - Giọng điệu châm biếm và mỉa mai. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về chùm ca dao trào phúng*.*

**b. Nội dung:** GV chiếu câu hỏi, HS suy nghĩ, trả lời để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *Em hãy phân tích một bài ca dao mà mình ấn tượng.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, viết bài.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *Em hãy sưu tầm một số bài ca dao trào phúng và cho biết chủ đề của các bài ca dao ấy.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, làm bài tập.

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt**

- Nhận biết được nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu.

- Hiểu được lớp nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu.

- Hiểu được tác dụng của việc tạo hàm ý trong giao tiếp hằng ngày.

- Biết cách sử dụng nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn vào cuộc sống thực tiễn.

**2. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Hình thành năng lực làm việc nhóm, năng lực gợi mở,…

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

**b. Năng lực đặc thù**

- Năng lực nhận biết, hiểu nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

**3. Về phẩm chất**

- Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập, trả lời câu hỏi

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV giao nhiệm vụ:

*GV đặt ra các tình huống:*

*+ Tình huống thứ nhất:*

*Sắp đến giờ vào lớp, cô giáo hỏi một bạn học sinh:*

*- Mấy giờ rồi em?*

*+ Tình huống thứ hai:*

*Nam đi học muộn, đến sân trường gặp cô giáo chủ nhiệm, cô hỏi:*

*- Mấy giờ rồi em?*

*Tình huống thứ nhất, cô giáo muốn hỏi gì? Tình huống thứ 2 cô giáo muốn nhắc nhở điều gì?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS nghe GV nêu yêu cầu, suy nghĩ hoàn thành bài tập.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS trả lời

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**

- GV nhận xét, khen ngợi các HS đã làm đúng, nhắc nhở HS làm chưa đúng.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Trong giao tiếp, chúng ta có thể diễn đạt trực tiếp điều mình nói thông qua những câu, từ ngữ diễn đạt điều đó. Nhưng đôi khi chúng ta diễn đạt một cách gián tiếp (nội dung thông báo không được nói trực tiếp bằng những từ ngữ trong lời nói nhưng có thể suy ra từ những từ ngữ ấy). Cách diễn đạt như vậy người ta gọi là tường minh và hàm ý. Vậy thế nào là tường minh và hàm ý, cô và các em cùng tìm hiểu trong tiết học hôm nay.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Khám phá**

**a. Mục tiêu:** HS tìm hiểu, tiếp thu kiến thức về câu hỏi tu từ.

**b. Nội dung:** HS vận dụng kiến thức trong SGK để thực hiện nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm:** HS nắm rõ kiến thức về bài học.

**d. Tổ chức thực hiện**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc thẻ nội dung trong SGK và đặt câu hỏi:  *+ Nêu cách nhận biết nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **Nhận biết nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu**  - Trong giao tiếp bằng ngôn từ, có những ý nghĩa được hiển thị ngay trên từ ngữ (nghĩa tường minh) và có những ý nghĩa ngầm chứa, cần phải suy luận mới biết được (nghĩa hàm ẩn).  - Có những nghĩa hàm ẩn tùy thuộc ngữ cảnh. Ví dụ: *Ngày mai tôi đi Hà Nội.*  Có thể hiểu là: “Ngày mai không gặp mặt với nhóm được”, nhưng cũng có thể hiểu: “Anh có cần gửi gì cho người thân ở Hà Nội thì tôi sẽ mang giúp cho”,… Những nghĩa này tùy thuộc vào nội dung trao đổi trước đó giữa người nói (người viết) và người nghe (người đọc).  - Có những nghĩa hàm ẩn không tùy thuộc vào ngữ cảnh. Ví dụ: *Nó lại đi Đà Lạt.*  Câu này cho biết một người nào đó đi Đà Lạt nhà nhờ từ lại mà ta có thể suy ra trước đó người này đã từng đi Đà Lạt. Nghĩa hàm ẩn này được suy ra từ nghĩa của từ ngữ ở trong câu, chứ không tùy thuộc vào ngữ cảnh.  - Nghĩa hàm ẩn giúp chuyển tải nhiều điều ý nhị, kín đáo, sâu xa,…; làm cho giao tiếp ngôn từ được uyển chuyển, phong phú, thú vị. Đặc biệt, trong văn học, các nội dung, thông điệp mà tác giả muốn chuyển tải thường được thể hiện dưới hình thức nghĩa hàm ẩn. |

**Hoạt động 2: Thực hành**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức về nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn trong câu để làm các bài tập trong SGK.

**b. Nội dung:** HS vận dụng kiến thức trong SGK để thực hiện nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giao nhiệm vụ: Yêu cầu HS thực hiện các bài tập trong SGK.  *1. Đặt trong ngữ cảnh cuộc đối thoại được thể hiện ở bài ca dao số 2, nghĩa hàm ẩn của câu “Chú chuột đi chợ đường xa/ Mua mắm mua muối giỗ cha chú mèo” là gì?*  *2. Theo em, qua câu ca dao “Cưới em ba chum mật ong/ Mười thúng mỡ muỗi ba nong quýt đầy…”, anh học trò thực sự muốn nói điều gì?*  *3. Cho biết nghĩa hàm ẩn của những câu in đậm trong các trường hợp sau:*  *a. Chập chập rồi lại cheng cheng*  ***Con gà sống thiến để riêng cho thầy***  *b. Ông Giuốc-đanh:*  *- Thế này là thế nào? Bác may hoa ngược mất rồi.*  *Phó may:*  *- Ngài có bảo là muốn may hoa xuôi đâu.*  *Ông Giuốc-đanh:*  *- Lại còn phải bảo cái đó à?*  *Phó may:*  *- Vâng, phải bảo chứ.* ***Vì tất cả những người quý phái đều mặc như thế này cả.***  *4. Xác định nghĩa hàm ẩn của các câu tục ngữ dưới đây:*  *a. Có tật giật mình.*  *b. Đời người có một gang tay*  *Ai hay ngủ ngày còn có nửa gang.*  *c. Cười người chớ vội cười lâu*  *Cười người hôm trước, hôm sau người cười.*  *d. Lời nói gói vàng*  *e. Lưỡi sắc hơn gươm*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiến hành thảo luận theo nhóm.  - GV quan sát, hỗ trợ những nhóm gặp khó khăn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả trước lớp.  - Yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **Câu 1**  Nghĩa hàm ẩn của câu “Chú chuột đi chợ đường xa/ Mua mắm mua muối giỗ cha chú mèo” là: mách nước cho kẻ yếu cách ứng xử với kẻ mạnh; chuột khôn khéo, mềm mỏng đáp lại sự “ân cần hỏi han” của mèo để cầu sự bình an theo phương châm “Mạnh dùng sức, yếu dùng chước”.  **Câu 2**  Qua câu ca dao thể hiện được ngụ ý của anh học trò. Mặc dù những lễ vật anh nêu ra trông đều có vẻ thịnh soạn, đầy đủ nhưng thực chất anh nghèo không có gì cả “mỡ muỗi”, anh học trò chỉ có tình cảm chân thành dành cho cô gái.  **Câu 3**  a. Nghĩa hàm ẩn của câu “Con gà sống lớn để riêng cho thầy” thể hiện tên thầy bói hành nghề mê tín, lợi dụng sự non nớt cả tin của mọi người để kiếm chác.  b. Nghĩa hàm ẩn của câu “Vì tất cả những người quý phái đều mặc như thế này cả” thể hiện sự ngu dốt, thiếu hiểu biết, học đòi làm sang của ông Giuốc-đanh.  **Câu 4**  a. Bản thân sẽ cảm thấy chột dạ khi có ai đó nói về mình vì mình đã từng làm điều sai trái.  b. Hãy chăm chỉ, cần cù trong lao động và học tập; không nên lười nhác, lãng phí thời gian.  c. Chúng ta phải biết tôn trọng người khác, không được kinh thường bất cứ ai nhất là khi họ đang gặp khó khăn. Bởi vì một ngày nào đó, chúng ta có thể cũng sẽ rơi vào tình huống như họ và sẽ bị họ chê bai, khinh thường.  d.  Lời nói chính là thứ có giá trị như vàng. Hãy biết lựa lời nói sao cho hay nhưng phải đúng.  e. Một lời nói cay nghiệt còn mang tính sát thương dữ dội hơn cả giáo gươm đâm vào da thịt con người. Vậy nên, sự tổn thương mà lời nói gây ra tuy vô hình nhưng lại vô cùng sắc bén. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu*.*

**b. Nội dung:** GV chiếu câu hỏi, HS suy nghĩ, trả lời để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV nêu yêu cầu HS: *Em hãy kể ra một vài tục ngữ và xác định nghĩa hàm ẩn của các câu tục ngữ đó.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, viết bài.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để áp dụng vào thực tiễn.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *Em hãy nêu một vài ví dụ trong giao tiếp cuộc sống có sử dụng nghĩa hàm ẩn?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, làm bài tập.

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

**VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG**

**(Một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt**

- Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống, trình bày rõ vấn đề và ý nghĩa của người viết, đưa ra lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng.

- Đối thoại với những ý kiến khác (giả định) nhằm khẳng định quan điểm của người viết.

**2. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài*.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống.

- Năng lực tiếp thu tri thức, kĩ năng viết bài văn.

**3. Về phẩm chất**

- Hiểu được trách nhiệm của bản thân đối với cộng đồng, tránh được những thói hư tật xấu trong xã hội.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS trả lời: *Làm thế nào để em có thể thuyết phục mọi người tránh xa những thói hư tật xấu trong xã hội?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS nghe GV nêu yêu cầu, suy nghĩ và chia sẻ ý kiến.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**

- GV nhận xét, khen ngợi các HS đã chia sẻ.

Giáo viên nhận xét, dẫn dắt vào nội dung tiết học: *Trong cuộc sống, chúng ta không tránh khỏi những lúc phải đối mặt với những thói xấu của con người trong xã hội hiện đại. Vậy đứng trước nó, chúng ta cần phải có thái độ ra sao? Bài học hôm nay chúng ta hãy cùng viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại).*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Yêu cầu**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại).

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Cách thức tiến hành**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc nội dung trong SGK và trả lời câu hỏi:  *+ Nêu yêu cầu khi viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống.*  *+ Phân tích bài viết tham khảo: Hiện tượng học đòi trong giới trẻ hiện nay.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **1. Yêu cầu**  - Nêu được vấn đề nghị luận.  - Làm rõ vấn đề nghị luận (giải thích vấn đề đời sống được bàn luận).  - Trình bày được ý kiến phê phán của người viết, nêu rõ lí lẽ và bằng chứng để chứng minh sự phê phán là có cơ sở.  - Đối thoại với những ý kiến khác (giả định) nhằm khẳng định quan điểm của người viết.  **2. Phân tích bài viết tham khảo: *Hiện tượng học đòi trong giới trẻ hiện nay.***  - Nêu vấn đề nghị luận.  - Làm rõ vấn đề nghị luận.  - Trình bày ý kiến phê phán.  - Đối thoại với ý kiến khác.  - Khẳng định ý kiến phê phán, rút ra bài học. |

**Hoạt động 2: Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các bước viết bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc kĩ nội dung trước khi viết.  - GV hướng dẫn HS thực hiện các bước theo yêu cầu:  *+ Lựa chọn đề tài*  *+ Tìm ý*  *+ Lập dàn ý*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV2 + 3**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thực hành viết bài văn theo các bước đã nêu ở NV1.  - Sau khi viết xong, GV hướng dẫn HS đổi bài cho nhau theo cặp đôi để chấm và nhận xét theo mẫu phiếu GV phát sẵn (Hồ sơ dạy học).  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS viết bài văn.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày bài văn của mình.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **1. Trước khi viết**  **a. Lựa chọn đề tài**  HS hãy suy ngẫm về chính mình và quan sát hành vi, lối sống của những người xung quanh hoặc tìm hiểu trên sách báo, phương tiện truyền thông để nhận ra những thói xấu của con người, từ đó chọn được vấn đề để bàn luận.  Sau đây là một số đề tài gợi ý để HS lựa chọn:  - Sự tùy tiện khi tham gia giao thông của một số người dân.  - Thói lười nhác, hay than vãn.  - Sự ba phải, thiếu chủ kiến khi làm việc nhóm.  - Thói ích kỉ.  - Lối sống ảo mà một số người đang theo đuổi.  **b. Tìm ý**  Sau khi xác định được vấn đề nghị luận, em hãy tìm ý bằng cách trả lời một số câu hỏi:  - Vấn đề được nêu ra là gì?  - Vấn đề đó được hiểu như thế nào? Vì sao nó đáng phê phán?  - Làm thế nào để ý kiến phê phán của mình có sức thuyết phục?  - Liệu có ý kiến nào không đồng tình với ý kiến phê phán của mình không?  **c. Lập dàn ý**  Em hãy sắp xếp các ý tìm được thành một dàn ý.  **Dàn ý**  *- Mở bài:* Nêu vấn đề nghị luận (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại).  *- Thân bài:*  + Làm rõ vấn đề nghị luận.  + Trình bày ý kiến phê phán, nêu lí lẽ và bằng chứng để chứng minh sự phê phán là có cơ sở.  + Nêu ý kiến không đồng tình (giả định) với ý kiến của người viết và tranh luận với ý kiến đó.  *- Kết bài:* Khẳng định ý kiến phê phán, rút ra bài học.  **2. Viết bài**  Khi viết bài, em cần chú ý:  - Lí lẽ cần sáng rõ, chặt chẽ.  - Các bằng chứng cần đa dạng, xác thực. Nêu cả những trải nghiệm của bản thân (nếu có).  - Khi phê phán cần sử dụng lời lẽ đúng mực.  **3. Chỉnh sửa bài viết**  Đối chiếu bài viết của em với yêu cầu của kiểu bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại), chỉnh sửa những chỗ cần thiết sao cho:  - Vấn đề nghị luận được nêu một cách rõ ràng, được giải thích đầy đủ, toàn diện.  - Ý kiến phê phán được nêu một cách mạch lạc, chắc chắn, lí lẽ xác đáng và bằng chứng thuyết phục.  - Ý kiến phê phán được khẳng định trên cơ sở đối sánh với các quan điểm khác về vấn đề. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại).

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

- GV yêu cầu HS: *Viết lại những câu văn, đoạn văn chưa đạt yêu cầu.*

- HS thực hiện yêu cầu.

- GV mời 2 – 3 bạn đọc bài sau khi chỉnh sửa.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để áp dụng vào thực tiễn.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *HS rút ra kinh nghiệm gì khi viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại).*

- HS trả lời.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**NÓI VÀ NGHE**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

**(Một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt**

- Biết cách trình bày ý kiến phê phán một cách hiệu quả.

- Luyện tập thao tác nghe và tóm tắt nội dung trình bày của người khác về vấn đề được quan tâm.

**2. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài*.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành bài nói và nghe về một vấn đề đời sống.

- Năng lực tiếp thu tri thức, kĩ năng viết bài văn.

**3. Về phẩm chất**

- Hiểu được trách nhiệm của bản thân đối với cộng đồng, tránh được những thói hư tật xấu trong xã hội.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS trả lời: *Làm thế nào để em có thể thuyết phục mọi người tránh xa những thói hư tật xấu trong xã hội?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS nghe GV nêu yêu cầu, suy nghĩ và chia sẻ ý kiến.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**

- GV nhận xét, khen ngợi các HS đã chia sẻ.

Giáo viên nhận xét, dẫn dắt vào nội dung tiết học: *Trong cuộc sống, chúng ta không tránh khỏi những lúc phải đối mặt với những thói xấu của con người trong xã hội hiện đại. Vậy đứng trước nó, chúng ta cần phải có thái độ ra sao? Bài học hôm nay chúng ta hãy cùng trao đổi, thảo luận về một vấn đề đời sống (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại).*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Yêu cầu, mục đích**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài nói và nghe.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, kết hợp hướng dẫn của GV để chuẩn bị bài nói

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS nội dung SGK, xác định mục đích của bài nói.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trả lời câu hỏi.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | - **Mục đích nói:** Phê phán một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại, qua đó có nhận thức đúng đắn và thái độ sống.  **- Người nghe:** Những người quan tâm đến vấn đề em trình bày, có ý thức xây dựng lối sống và hoàn thiện bản thân. |

**Hoạt động 2: Thực hành**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách xây dựng bài nói đạt yêu cầu

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, kết hợp hướng dẫn của GV để chuẩn bị bài nói

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc kĩ nội dung trước khi nói và chuẩn bị:  *+ Lựa chọn đề tài*  *+ Tìm ý và lập dàn ý cho bài nói*  - GV hướng dẫn HS chuẩn bị.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trình bày bài nói theo sự chuẩn bị NV1.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận thực hành nói theo các bước.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày bài nói.  - Các HS khác lắng nghe, góp ý.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV3:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Sau khi thực hành nói, GV hướng dẫn HS trao đổi.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trao đổi với các bạn trong nhóm.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - GV mời 2 – 3 trao đổi, đánh giá.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **1. Trước khi nói**  - Dựa vào kết quả đã thực hiện ở phần Viết, hãy lập một dàn ý ngắn gọn cho bài nói bao gồm các phần Mở đầu, Triển khai, Kết luận và thể hiện được các ý chính ở mỗi phần.  - Gạch dưới những ý em dự định sẽ nhấn mạnh trong bài nói.  - Nếu nội dung bài nói tương tự những vấn đề đã đề cập trong các văn bản của phần Đọc (thói khoe khoang, sự thiếu chủ kiến, thói khoác lác, thói đạo đức giả,…), em có thể dựa vào đó để bổ sung bằng chứng.  - Tìm kiếm các thông tin từ sách báo, tranh ảnh, phương tiện nghe nhìn (nếu có),… để minh họa vấn đề.  **2. Trình bày bài nói**  *Về phía người nói:*  - Giới thiệu vấn đề (có thể đi thẳng vào vấn đề hoặc kể một tình huống dẫn tới vấn đề).  - Lần lượt trình bày từng nội dung của vấn đề theo dàn ý đã chuẩn bị.  - Nêu ý phê phán một cách đúng mực, có thể thêm chút hài hước. Chú ý phản ứng của người nghe để tìm kiếm sự đồng thuận hoặc sẵn sàng đối thoại.  *Về phía người nghe:*  - Lắng nghe, theo dõi để nắm bắt ý kiến của người nói về vấn đề. Bản tóm tắt cần thể hiện đầy đủ, chính xác những nội dung chính trong bài nói. Các thông tin này cần ghi ngắn gọn, rõ ràng, được trình bày kết hợp với các kí hiệu tạo sơ đồ tóm tắt văn bản (gạch đầu dòng, gạch nối, mũi tên,…). Ghi chú những thắc mắc hoặc những suy nghĩ riêng của mình vào bảng tóm tắt nhằm chuẩn bị cho phần trao đổi.  **3. Sau khi nói**  Người nói và người nghe trao đổi về bài nói theo một số gợi ý sau:  - Vấn đề được nói tới có sát hợp với cuộc sống của con người trong xã hội hiện nay không?  - Ý nghĩa thiết thực của vấn đề được trình bày là gì?  - Nội dung và cách trình bày của người nói (thái độ, giọng nói, các phương tiện hỗ trợ, khả năng tương tác với người nghe,…) có thuyết phục không?  - Ý kiến trao đổi của người nghe có tác dụng làm rõ hơn vấn đề hoặc bổ sung cho vấn đề người nói trình bày không? |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *Em hãy dựa vào dàn ý đã lập trong bài nói, viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) trình bày ý nghĩa thiết thực của vấn đề được nói đến.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

- HS trả lời.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *Em rút ra được kinh nghiệm khi nói và nghe cho những bài học tiếp theo?*

- HS thực hiện nhiệm vụ.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức

**CỦNG CỐ, MỞ RỘNG**

**THỰC HÀNH ĐỌC: GIÁ KHÔNG CÓ RUỒI**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt**

**-** Ôn tập nội dung kiến thức *Bài 5: Những câu chuyện hài*

- HS vận dụng kiến thức để thực hành đọc văn bản: *Giá không có ruồi.*

**2. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

Hình thành năng lực làm việc nhóm, năng lực gợi mở,…

**b. Năng lực đặc thù**

- Năng lực cảm thụ văn học: Ôn tập lại nội dung, nghệ thuật của các văn bản đọc.

- Vận dụng các kiến thức đã học về văn học trào phúng để thực hành đọc văn bản: *Giá không có ruồi*.

**3. Về phẩm chất**

- Có ý thức tránh những việc làm kệch cỡm, lố lăng; hướng đến cách ứng xử phù hợp.

- Chăm chỉ, tự giác học tập, tìm tòi và sáng tạo.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập, trả lời câu hỏi

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ: *Hãy kể tên các văn bản truyện lịch sử đã học trong Bài 5: Những câu chuyện hài.*

- HS trả lời câu hỏi.

- GV nhận xét, dẫn dắt vào bài học.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Củng cố, mở rộng**

**a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung các văn bản đã học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:**Bài tập của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS xem lại các văn bản đã học trong Bài 5 vàvận dụng các kiến thức đã học về hài kịch và truyện cười để hoàn thành bài tập.  *1. Nêu các thủ pháp trào phúng của thể loại hài kịch, truyện cười qua các văn bản đã học trong bài.*  *2. Từ các văn bản đã học đó, em nhận thấy tiếng cười có sức mạnh như thế nào đối với đời sống con người?*  *3. Tìm đọc một số vở hài kịch và truyện cười viết về những thói xấu của con người. Chọn trong số đó một tác phẩm em thích nhất và trả lời các câu hỏi sau:*  *a. Tác phẩm phê phán thói xấu nào?*  *b. Thủ pháp trào phúng là gì?*  *c. Chi tiết nào em thấy thú vị nhất?*  *4. “Cười là một hình thức chế ngự cái xấu”. (Phương Lựu – Trần Đình Sử - Lê Ngọc Trà, Lí luận văn học, tập 1, NXB Giáo dục, 1986, tr. 241).*  *Hãy viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) trình bày suy nghĩ của em về ý kiến trên.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe yêu cầu, chuẩn bị nội dung  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - GV mời đại diện 2 – 3 HS trình bày.  **Bước 4: Đánh giá kết quả**  - GV nhận xét, bổ sung, chuẩn kiến thức. | **Câu 1**  Các thủ pháp trào phúng của thể loại hài kịch, truyện cười qua các văn bản đã học trong bài: Tạo tình huống kịch, dùng điệu bộ gây cười, dùng thủ pháp phóng đại, chơi chữ…  **Câu 2**  Vai trò của tiếng cười với cuộc sống con người:  - Mang lại niềm vui, mục đích giải trí.  - Phê phán, châm biếm – mỉa mai, đả kích những thói hư tật xấu trong xã hội.  **Câu 3**  Truyện cười Nói dóc gặp nhau:  a. Tác phẩm phê phán thói khoác lác, ba hoa trong xã hội.  b. Thủ pháp trào phúng: Dùng thủ pháp phóng đại (chi tiết miêu tả chiếc ghe và cây đa).  c. Chi tiết làm em thú vị nhất: Nếu không có cây cao như thế thì lấy đâu ra gỗ để đóng chiếc ghe của anh? Vì chi tiết này nhằm châm biếm, phê phán sự nói dóc của anh thứ nhất.  **Câu 4**  Ý kiến “Cười là một hình thức chế ngự cái xấu” đã diễn tả chính xác về các hình thức của tiếng cười trong truyện hài kịch, truyện cười. Tiếng cười trong hài kịch thường phê phán những nhân vật hà tiện, tham lam, kiêu căng, khoe mẽ,… Nhân vật ông Giuốc-đanh trong “Trưởng giả học làm sang” là một nhân vật điển hình. Vì muốn trở thành quý tộc, ông đã tự biến mình thành kẻ ngu dốt hài hước bị mọi người xung quanh lợi dụng. Còn tiếng cười trong truyện cười nhằm chế giễu những thói hư tật xấu, những điều trái tự nhiên, trái thuần phong mĩ tục của con người. Nhân vật chủ cửa hàng trong Treo biển, hay nhân vật anh có áo mới trong truyện Lợn cưới áo mới là những nhân vật đáng bị phê phán, chế giễu. Tóm lại, tiếng cười không chỉ có vai trò giải trí mà còn có mục đích chế ngự cái xấu trong xã hội. |

**Hoạt động 2: Thực hành đọc: *Giá không có ruồi***

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin chính về văn bản *Giá không có ruồi.*

b. **Nội dung:** HS sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc văn bản, vận dụng các kiến thức về truyện cười để tìm hiểu văn bản.  *1. Những đặc điểm của thể loại truyện cười.*  *2. Vấn đề bị đem ra phê phán.*  *3. Thủ pháp trào phúng của truyện.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS đọc văn bản và tìm hiểu văn bản theo các câu hỏi gợi ý.  **Bước 3: Báo cáo, trao đổi kết quả thảo luận.**  - GV mời đại diện 2 – 3 HS trình bày.  - Các HS khác lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả**  - GV nhận xét, tổng kết, chuẩn kiến thức. | **1. Những đặc điểm của thể loại truyện cười.**  - Khai thác hành động rởm đời trong cuộc sống.  - Truyện ngắn nhưng chặt chẽ, ít các chi tiết rườm rà, mâu thuẫn phát triển nhanh và kết thúc bất ngờ.  - Truyện mang ý nghĩa giải trí và giáo dục.  **2. Vấn đề bị đem ra phê phán.**  Vấn đề: Phê phán những người viện lí do để trì hoãn công việc, ước mơ của mình mà không chịu cố gắng.  **3. Thủ pháp trào phúng của truyện.**  Thủ pháp châm biếm: phê phán, châm biếm thói hư tật xấu của con người trong xã hội. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về *Bài 5. Những câu truyện hài*.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

- GV yêu cầu HS: *Em hãy viết một đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) trình bày suy nghĩ của em về tác hại của sự trì hoãn trong cuộc sống.*

- HS thực hiện yêu cầu.

- GV mời 2 – 3 bạn đọc bài.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *Em hãy kể tên một số truyện cười dân gian và cho biết truyện cười đó sử dụng thủ pháp trào phúng nào?*

- HS trình bày.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.